

Mẫu CBTT/SGDHCM-02

Appendix CBTT/SGDHCM-02

(Ban hành kèm theo Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19 tháng 08 năm 2016 của  
TGD SGDCK TPHCM về Quy chế Công bố thông tin tại SGDCK TPHCM)  
(Promulgated with the Decision No 340/QĐ-SGDHCM on August 19, 2016 of the Hochiminh Stock  
Exchange on Disclosure of Information Regulation on Hochiminh Stock Exchange)

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
DRH HOLDINGS  
DRH HOLDINGS JSC.**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness**

Số/No.: 101 /2020/DRH-CBTT

TP. HCM, ngày 14 tháng 08 năm 2020  
Ho Chi Minh City, Aug 14<sup>th</sup>, 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN  
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ  
NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM**

**DISCLOSURE OF INFORMATION ON  
THE STATE SECURITIES  
COMMISSION'S PORTAL AND  
HOCHIMINH STOCK EXCHANGE'S  
PORTAL**

Kính gửi/ To:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Hochiminh Stock Exchange*

- Tên tổ chức/ *Organization name*: CÔNG TY CỔ PHẦN DRH HOLDINGS/ *DRH HOLDINGS JOINT STOCK COMPANY*
- Mã chứng khoán/ *Securities Symbol*: DRH
- Địa chỉ trụ sở chính/ *Address*: 67, Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TPHCM/ *67, Ham Nghi Street, Nguyen Thai Binh Ward, District 1, Ho Chi Minh City*
- Điện thoại/ *Telephone*: 028. 3822 3771
- Fax: 028. 3822 3727
- Người thực hiện công bố thông tin/ *Submitted by*: Trần Hoàng Anh  
Chức vụ/ *Position*: Phó Tổng Giám đốc/ *Deputy General Director*

Loại thông tin công bố :  định kỳ  bất thường  24h  theo yêu cầu

*Information disclosure type*:  Periodic  Irregular  24 hours  On demand

**Nội dung thông tin công bố (\*)/ Content of Information disclosure (\*):**

Công bố thông tin Báo cáo tài chính riêng Bán niên có soát xét năm 2020/  
*Disclosure regarding Reviewed separate financial statements of the 2<sup>nd</sup> Quarter of 2020.*

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày  
14/08/2020 tại đường dẫn: <http://www.drh.vn>

*This information was disclosed on Company's Portal on Aug 14<sup>th</sup> 2020 Available  
at: <http://www.drh.vn>*

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách  
nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

*I declare that all information provided in this paper is true and accurate; I shall be  
legally responsible for any misrepresentation.*

Tài liệu đính kèm/ Attachment:

- Reviewed Separate financial statements QII.2020
- BCTC riêng Bán niên soát xét 2020

**Đại diện tổ chức**   
**Organization representative**  
Người UQ CBTT  
Party authorized to disclose information  
  
**TRẦN HOÀNG ANH**

# Công ty Cổ phần DRH Holdings

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020



# Công ty Cổ phần DRH Holdings

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10 - 35

# Công ty Cổ phần DRH Holdings

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần DRH Holdings (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 4103004401 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 6 tháng 3 năm 2006, sau đó điều chỉnh thành Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 0304266964 cấp ngày 6 tháng 3 năm 2006, và theo các GCNĐKKD và GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) với mã chứng khoán DRH theo Quyết định số 146/QĐ-SGDHCM do HOSE cấp ngày 13 tháng 7 năm 2010.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là kinh doanh và môi giới bất động sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại 67 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phan Tấn Đạt	Chủ tịch	
Ông Trần Ngọc Đỉnh	Phó Chủ tịch	từ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2020
Ông Hồ Ngọc Bạch	Thành viên	
Ông Nguyễn Lâm Tùng	Thành viên	
Ông Trần Hoàng Anh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2020
Ông Ngô Đức Sơn	Thành viên	bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2020
Ông Võ Công Hoàng	Thành viên	từ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2020
Ông Dương Ngọc Hải	Thành viên	từ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2020

### TIỂU BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tshành viên Tiểu ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hồ Ngọc Bạch	Trưởng Tiểu ban	bổ nhiệm ngày 3 tháng 8 năm 2020
------------------	-----------------	----------------------------------

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đoàn Thị Mỹ Nhung	Trưởng ban	từ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Trung Nghĩa	Thành viên	từ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Hữu Trí	Thành viên	từ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2020

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Ngô Đức Sơn	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 3 tháng 8 năm 2020
	Phó Tổng Giám đốc	trước ngày 3 tháng 8 năm 2020
Ông Phan Tấn Đạt	Tổng Giám đốc	hết nhiệm kỳ ngày 1 tháng 8 năm 2020
Ông Trần Hoàng Anh	Phó Tổng Giám đốc	

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty tại ngày lập báo cáo này là Ông Phan Tấn Đạt.

Ông Ngô Đức Sơn được Ông Phan Tấn Đạt ủy quyền để ký báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 theo Giấy Ủy quyền số 2020/DRH/UQ-HDQT ngày 7 tháng 8 năm 2020.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần DRH Holdings

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần DRH Holdings (“Công ty”) trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 đề ngày 14 tháng 8 năm 2020.

Người sử dụng cần đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã đề cập của Nhóm Công ty để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Ngô Đức Sơn  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2020

Số tham chiếu: 61354722/22012538/LR

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần DRH Holdings**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần DRH Holdings (“Công ty”) được lập ngày 14 tháng 8 năm 2020 và được trình bày từ trang 5 đến trang 35, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đi kèm.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Building a better  
working world

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Hàng Nhật Quang  
Phó Tổng giám đốc  
Giấy CNDKHN Kiểm toán  
Số: 1772-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2020



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>302.370.483.805</b>	<b>314.502.303.869</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền</b>	<b>4</b>	<b>23.738.199.409</b>	<b>31.300.696.495</b>
111	1. Tiền		23.738.199.409	31.300.696.495
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>5</b>	<b>436.249.997</b>	<b>398.749.997</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh		477.409.247	477.409.247
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(41.159.250)	(78.659.250)
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>275.175.299.801</b>	<b>281.136.934.390</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	88.646.372.855	92.987.315.889
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		696.845.000	1.020.446.142
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	41.253.349.041	38.346.406.125
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	144.578.732.905	148.782.766.234
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>3.020.734.598</b>	<b>1.665.922.987</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	1.557.439.721	1.665.922.987
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		1.463.294.877	-
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>997.836.886.073</b>	<b>1.013.431.960.475</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>1.869.324.000</b>	<b>15.388.917.875</b>
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	-	13.513.593.875
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	1.869.324.000	1.875.324.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>846.394.269</b>	<b>1.156.394.391</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	130.887.090	251.797.692
222	Nguyên giá		1.268.038.317	1.268.038.317
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.137.151.227)	(1.016.240.625)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	715.507.179	904.596.699
228	Nguyên giá		1.711.616.190	1.711.616.190
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(996.109.011)	(807.019.491)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>3.582.102.565</b>	<b>3.582.102.565</b>
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	11	3.582.102.565	3.582.102.565
<b>250</b>	<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>13</b>	<b>985.419.474.422</b>	<b>985.419.474.422</b>
251	1. Đầu tư vào các công ty con		604.890.000.000	604.890.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		380.529.474.422	380.529.474.422
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>6.119.590.817</b>	<b>7.885.071.222</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	6.119.590.817	7.861.400.381
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	27.3	-	23.670.841
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.300.207.369.878</b>	<b>1.327.934.264.344</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>674.248.629.484</b>	<b>685.835.396.328</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>674.248.629.484</b>	<b>672.321.802.453</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	1.927.817.648	2.571.721.804
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	537.893.449	738.097.172
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	3.915.737.293	6.003.362.914
314	4. Phải trả người lao động		582.781.271	2.483.407.128
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	410.039.447	579.383.770
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	479.400.435.725	493.792.083.475
320	7. Vay ngắn hạn	19	175.555.590.525	159.744.282.542
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20	11.918.334.126	6.409.463.648
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		-	<b>13.513.593.875</b>
338	1. Vay dài hạn	19	-	13.513.593.875
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>625.958.740.394</b>	<b>642.098.868.016</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>21</b>	<b>625.958.740.394</b>	<b>642.098.868.016</b>
411	1. Vốn cổ phần		609.999.330.000	609.999.330.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		609.999.330.000	609.999.330.000
415	2. Cổ phiếu quỹ		(6.350.000.000)	(5.750.000.000)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		14.468.110.942	8.998.760.935
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		7.841.299.452	28.850.777.081
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		14.177.402.064	48.118.196.178
421b	- Lỗ kỳ này		(6.336.102.612)	(19.267.419.097)
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.300.207.369.878</b>	<b>1.327.934.264.344</b>

Phạm Thị Mai Nương  
Người lập

Lê Thị Thuần  
Kế toán trưởng



Ngô Đức Sơn  
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
10	1. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	22.1	17.961.528.160	36.345.812.817
11	2. Giá vốn dịch vụ cung cấp	23, 26	(8.703.154.727)	(19.471.930.268)
20	3. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ		9.258.373.433	16.873.882.549
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	2.553.498.310	8.043.033.262
22	5. Chi phí tài chính	24	(11.284.508.072)	(25.592.770.010)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(9.733.103.791)	(23.929.134.598)
26	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25, 26	(12.737.281.173)	(9.282.355.741)
30	7. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh		(12.209.917.502)	(9.958.209.940)
31	8. Thu nhập khác		26.872.048	51.129.767
32	9. Chi phí khác		(217.133.710)	(102.149.204)
40	10. Lỗ khác		(190.261.662)	(51.019.437)
50	11. Tổng lỗ kế toán trước thuế		(12.400.179.164)	(10.009.229.377)
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	6.087.747.393	(2.211.211.765)
52	13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		(23.670.841)	-
60	14. Lỗ sau thuế TNDN		(6.336.102.612)	(12.220.441.142)




Phạm Thị Mai Nương  
Người lập



Lê Thị Thuận  
Kế toán trưởng



  
Ngô Đức Sơn  
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2020

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
<b>01</b>	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
	<b>Lỗ kế toán trước thuế</b>		<b>(12.400.179.164)</b>	<b>(10.009.229.377)</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	9, 10	310.000.122	298.826.790
03	Hoàn nhập dự phòng		(37.500.000)	(67.644.000)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(2.479.333.318)	(7.633.819.872)
06	Chi phí lãi vay	24	9.733.103.791	23.929.134.598
<b>08</b>	<b>(Lỗ) lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>(4.873.908.569)</b>	<b>6.517.268.139</b>
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		7.411.282.628	(114.254.083.159)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(15.178.722.483)	157.764.230.331
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		1.850.292.830	(4.428.307.683)
13	Giảm chứng khoán kinh doanh		-	1.494.244.720
14	Tiền lãi vay đã trả		(6.959.985.345)	(21.864.053.055)
15	Thuế TNDN đã nộp	16	-	(1.621.447.050)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.695.154.532)	(3.211.262.109)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(20.446.195.471)</b>	<b>20.396.590.134</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		-	(100.560.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		8.706.650.959	17.685.825.753
27	Tiền thu lãi cho vay và lãi tiền gửi		2.479.333.318	7.633.819.872
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>11.185.984.277</b>	<b>25.219.085.625</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
32	Tiền mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	21.1	(600.000.000)	(100.000.000)
33	Tiền thu từ đi vay	19	183.843.155.439	170.491.202.596
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	19	(181.545.441.331)	(185.445.994.217)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính</b>		<b>1.697.714.108</b>	<b>(15.054.791.621)</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>(7.562.497.086)</b>	<b>30.560.884.138</b>
<b>60</b>	<b>Tiền đầu kỳ</b>		<b>31.300.696.495</b>	<b>22.081.504.866</b>
<b>70</b>	<b>Tiền cuối kỳ</b>	<b>4</b>	<b>23.738.199.409</b>	<b>52.642.389.004</b>

Phạm Thị Mai Nương  
Người lập

Lê Thị Thuần  
Kế toán trưởng



Ngô Đức Sơn  
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần DRH Holdings (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 4103004401 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 6 tháng 3 năm 2006 sau đó điều chỉnh thành Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 0304266964 cấp ngày 6 tháng 3 năm 2006, và theo các GCNĐKKD và GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) với mã chứng khoán DRH theo Quyết định số 146/QĐ-SGDHCM do HOSE cấp ngày 13 tháng 7 năm 2010.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là kinh doanh và môi giới bất động sản.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại 67 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 là 69 (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 79).

**Cơ cấu tổ chức**

Tên công ty con	Trụ sở	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết (%)	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
(1) Công ty Cổ phần Địa ốc An Phú Long	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh và phát triển bất động sản	99,95	99,95
(2) Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bất động sản Đông Sài Gòn	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh và phát triển bất động sản	99,00	99,00
(3) Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Thuận Tiến	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh và phát triển bất động sản	98,01	98,01
(4) Công ty TNHH Đầu tư Bất động sản Bình Đông	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh và phát triển bất động sản	99,00	99,00

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 13.1. Công ty lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 đề ngày 14 tháng 8 năm 2020.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

### 2.2 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo :

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam, và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

### 2.4 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### 2.5 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 3.1 *Tiền*

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

### 3.2 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.3 Hàng tồn kho**

*Hàng hóa bất động sản*

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm:

- ▶ Chi phí tư vấn, thiết kế, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng hóa bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và được chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.6 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc, thiết bị	3 - 7 năm
Thiết bị quản lý	2 - 5 năm
Phần mềm máy tính	5 năm

**3.7 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty, và được hạch toán như chi phí trong kỳ khi phát sinh.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 2 đến 3 năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ:

- ▶ Công cụ, dụng cụ xuất dùng;
- ▶ Chi phí nâng cấp tài sản đi thuê.

Chi phí hoa hồng môi giới được hạch toán vào chi phí trả trước ngắn hạn và ghi nhận phù hợp với doanh thu vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

#### 3.9 Các khoản đầu tư

*Đầu tư vào các công ty con*

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư vào công ty liên kết*

Khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Chứng khoán kinh doanh*

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

#### 3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 3.11 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt, và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.11 *Phân chia lợi nhuận* (tiếp theo)

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

##### *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

##### *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

#### 3.12 *Cổ phiếu quỹ*

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

#### 3.13 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

##### *Doanh thu dịch vụ môi giới bất động sản và dịch vụ quản lý dự án*

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

##### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

##### *Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

#### 3.14 *Thuế*

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.14 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế, đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

**3.15 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

**4. TIỀN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Tiền mặt	58.709.418	330.476.920
Tiền gửi ngân hàng	23.679.489.991	30.970.219.575
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>23.738.199.409</b>	<b>31.300.696.495</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**5. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH**

	<u>Ngày 30 tháng 6 năm 2020</u>		<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</u>	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND
Cổ phiếu niêm yết:				
Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng Biên Hòa	12.500	477.409.247	12.500	477.409.247
Dự phòng		<u>(41.159.250)</u>		<u>(78.659.250)</u>
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>		<b><u>436.249.997</u></b>		<b><u>398.749.997</u></b>

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	VND	
	<u>Ngày 30 tháng 6 năm 2020</u>	<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</u>
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Danh Việt	88.000.000.000	77.000.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Hưng Gia Việt	646.372.855	646.372.855
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bất động sản Đông Sài Gòn	-	12.740.382.009
Công ty TNHH Đầu tư Bất động sản Bình Đông	-	1.684.819.157
Công ty Cổ phần địa ốc An Phú Long	-	746.991.868
Khác	-	168.750.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>88.646.372.855</u></b>	<b><u>92.987.315.889</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
- Phải thu các bên khác	88.646.372.855	77.646.372.855
- Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	-	15.340.943.034

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
<b>Ngắn hạn</b>	<b>41.253.349.041</b>	<b>38.346.406.125</b>
Công ty Cổ phần Kinh doanh Địa ốc An Phú Long (*)	41.253.349.041	36.446.406.125
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bất động sản Đông Sài Gòn	-	1.900.000.000
<b>Dài hạn</b>	-	<b>13.513.593.875</b>
Công ty Cổ phần Kinh doanh Địa ốc An Phú Long (*)	-	13.513.593.875
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>41.253.349.041</b>	<b>51.860.000.000</b>

(\*) Khoản phải thu về cho vay ngắn hạn và dài hạn cho Công ty Cổ phần Địa ốc An Phú Long, công ty con, vay với thời hạn là 34 tháng kể từ ngày 30 tháng 4 năm 2018 và hưởng tiền lãi theo lãi suất 11%/năm (Thuyết minh số 28).

**8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
<b>Ngắn hạn</b>	<b>144.578.732.905</b>	<b>148.782.766.234</b>
Chi phí trả hộ	107.193.661.002	103.711.300.487
- Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Danh Việt	107.193.661.002	102.872.661.002
- Công ty Cổ phần Kinh doanh Địa ốc DLand	-	838.639.485
Đặt cọc thực hiện dự án (*)	26.000.000.000	26.000.000.000
Tạm ứng nhân viên	5.954.840.963	5.020.192.963
Phải thu từ thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh	4.000.000.000	4.000.000.000
Phải thu tiền lãi	-	8.167.561.644
Khác	1.430.230.940	1.883.711.140
<b>Dài hạn</b>	<b>1.869.324.000</b>	<b>1.875.324.000</b>
Ký quỹ, ký cược	1.869.324.000	1.875.324.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>146.448.056.905</b>	<b>150.658.090.234</b>
<i>Trong đó:</i>		
- Phải thu các bên khác	146.448.056.905	142.490.528.590
- Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	-	8.167.561.644

(\*) Đây là khoản tiền đặt cọc cho Công ty Cổ phần Codona Thế kỷ 21 ("Codona") theo hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty và Codona liên quan đến việc hợp tác và phát triển Dự án Khu dân cư tại Thị trấn Trảng Bom, Xã Bình Minh, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

			VND
	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Thiết bị quản lý</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 30 tháng 6 năm 2020	<u>103.832.610</u>	<u>1.164.205.707</u>	<u>1.268.038.317</u>
Trong đó:			
<i>Đã khấu hao hết</i>	<i>103.832.610</i>	<i>438.742.067</i>	<i>542.574.677</i>
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	(103.832.610)	(912.408.015)	(1.016.240.625)
Khấu hao trong kỳ	<u>-</u>	<u>(120.910.602)</u>	<u>(120.910.602)</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020	<u>(103.832.610)</u>	<u>(1.033.318.617)</u>	<u>(1.137.151.227)</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	<u>-</u>	<u>251.797.692</u>	<u>251.797.692</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020	<u>-</u>	<u>130.887.090</u>	<u>130.887.090</u>

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	VND
	<i>Phần mềm máy tính</i>
<b>Nguyên giá:</b>	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 30 tháng 6 năm 2020	<u>1.711.616.190</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	(807.019.491)
Hao mòn trong kỳ	<u>(189.089.520)</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020	<u>(996.109.011)</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	<u>904.596.699</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020	<u>715.507.179</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**11. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH DỒ DANG DÀI HẠN**

Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn thể hiện chi phí phát sinh cho các dự án đang trong giai đoạn phát triển, chi tiết như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Dự án Thành phố mới	1.400.000.000	1.400.000.000
Dự án Bắc Từ Liêm – Hà Nội	1.230.072.273	1.230.072.273
Dự án Dreamhouse City	952.030.292	952.030.292
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.582.102.565</u></b>	<b><u>3.582.102.565</u></b>

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.557.439.721</b>	<b>1.665.922.987</b>
Chi phí hoa hồng môi giới	739.036.534	846.126.147
Chi phí thuê trả trước	660.000.000	660.000.000
Khác	158.403.187	159.796.840
<b>Dài hạn</b>	<b>6.119.590.817</b>	<b>7.861.400.381</b>
Chi phí cải tạo tài sản đi thuê	5.724.790.651	7.262.651.841
Công cụ, dụng cụ	394.800.166	598.748.540
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>7.677.030.538</u></b>	<b><u>9.527.323.368</u></b>

**13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Đầu tư vào các công ty con (Thuyết minh số 13.1)	604.890.000.000	604.890.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 13.2)	380.529.474.422	380.529.474.422
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>985.419.474.422</u></b>	<b><u>985.419.474.422</u></b>
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	-	-
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b><u>985.419.474.422</u></b>	<b><u>985.419.474.422</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**

**13.1 Đầu tư vào các công ty con**

Chi tiết khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng	Ngày 30 tháng 6 năm 2020		Ngày 31 tháng 12 năm 2019		
			% sở hữu	Giá gốc đầu tư (VND)	% sở hữu	Giá gốc đầu tư (VND)	Dự phòng (VND)
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bất động sản Đông Sài Gòn	Kinh doanh bất động sản	Đang hoạt động	99,00	297.000.000.000	-	297.000.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Bất động sản Bình Đông	Kinh doanh bất động sản	Đang hoạt động	99,00	198.000.000.000	-	198.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Địa ốc An Phú Long	Kinh doanh bất động sản	Đang hoạt động	99,95	109.890.000.000	-	109.890.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>604.890.000.000</b>	<b>-</b>	<b>604.890.000.000</b>	<b>-</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**

**13.2 Đầu tư vào công ty liên kết**

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng	Ngày 30 tháng 6 năm 2020			Ngày 31 tháng 12 năm 2019		
			Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	Giá gốc đầu tư (VND)	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	Giá gốc đầu tư Dự phòng (VND)
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương	Khai thác khoáng sản và cho thuê khu công nghiệp	Đang hoạt động	14.468.960	27,02	380.529.474.422	14.468.960	27,02	380.529.474.422

14.468.960 cổ phiếu Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương thuộc sở hữu của Công ty đã được thế chấp cho các khoản vay các công ty chứng khoán (Thuyết minh số 19.1 và 19.2).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Ông Nguyễn Quang Cường	1.890.000.000	990.000.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Bền Vững	-	814.647.936
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Cơ Điện lạnh	-	339.034.520
Long Quân	-	-
Khác	37.817.648	428.039.348
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.927.817.648</u></b>	<b><u>2.571.721.804</u></b>

**15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

Người mua trả tiền trước ngắn hạn thể hiện số tiền nhận trước từ việc cung cấp dịch vụ môi giới bất động sản.

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2019	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2020
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.624.452.516	-	(4.624.452.516)	-
Thuế giá trị gia tăng	1.220.523.381	1.826.737.714	(412.225.856)	2.635.035.239
Thuế thu nhập cá nhân	158.387.017	1.332.804.215	(210.489.178)	1.280.702.054
Khác	-	101.300.696	(101.300.696)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>6.003.362.914</u></b>	<b><u>3.260.842.625</u></b>	<b><u>(5.348.468.246)</u></b>	<b><u>3.915.737.293</u></b>

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Chi phí lãi vay	112.539.447	111.883.770
Khác	297.500.000	467.500.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>410.039.447</u></b>	<b><u>579.383.770</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Mượn không lãi suất (*)	445.162.722.953	463.341.600.885
- Công ty TNHH Đầu tư Bất động sản Bình Đông	166.270.011.669	114.598.604.411
- Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bất động sản Đông Sài Gòn	158.636.832.342	157.253.979.748
- Công ty Cổ phần Địa ốc An Phú Long	44.786.191.473	52.088.079.257
- Ông Lê Công Sơn	38.798.250.000	92.737.000.000
- Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Thuận Tiến	31.058.937.469	31.113.937.469
- Công ty Cổ phần Kinh doanh Địa ốc Dland	5.612.500.000	-
- Khác	-	15.550.000.000
Phải trả các khoản chi hộ	16.342.670.364	16.342.670.364
Lãi vay phải trả	12.266.653.803	9.494.191.034
Khác	5.628.388.605	4.613.621.192
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>479.400.435.725</u></b>	<b><u>493.792.083.475</u></b>
Trong đó:		
- Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	406.364.472.953	370.459.173.713
- Phải trả các bên khác	73.035.962.772	123.332.909.762

(\*) Đây là khoản tiền mượn không lãi suất từ bên liên quan và cá nhân nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Công ty.

## Công ty Cổ phần DRH Holdings

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 19. VAY

	Ngày 31 tháng 12 năm 2019	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Phân loại lại	Ngày 30 tháng 6 năm 2020
					VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>159.744.282.542</b>	<b>183.843.155.439</b>	<b>(181.545.441.331)</b>	<b>13.513.593.875</b>	<b>175.555.590.525</b>
Vay các công ty chứng khoán (Thuyết minh số 19.1)	115.243.222.417	183.843.155.439	(164.865.441.331)	-	134.220.936.525
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	28.764.615.966	-	-	-	28.764.615.966
- Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	10.313.544.176	28.499.171.448	(10.857.984.785)	-	27.954.730.839
- Công ty TNHH MTV Chứng khoán Maybank Kim Eng	10.753.059.023	16.680.903.594	(10.881.000.000)	-	16.552.962.617
- Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset	11.186.718.844	17.596.533.959	(14.398.890.509)	-	14.384.362.294
- Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS	-	14.076.422.286	-	-	14.076.422.286
- Công ty Cổ phần Chứng khoán MB	12.400.001.537	31.103.064.423	(30.768.369.707)	-	12.734.696.253
- Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam	8.760.516.000	30.168.946.730	(28.845.706.891)	-	10.083.755.839
- Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Yuanta Việt Nam	-	19.287.439.423	(9.618.048.992)	-	9.669.390.431
- Công ty TNHH Chứng khoán ACB	21.757.971.971	946.752.129	(22.704.724.100)	-	-
- Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	11.306.794.900	25.483.921.447	(36.790.716.347)	-	-
Vay cá nhân (Thuyết minh số 19.2)	8.054.654.000	-	-	-	8.054.654.000
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 19.3)	36.446.406.125	-	(16.680.000.000)	13.513.593.875	33.280.000.000
<b>Dài hạn</b>	<b>13.513.593.875</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>(13.513.593.875)</b>	<b>-</b>
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 19.3)	13.513.593.875	-	-	(13.513.593.875)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>173.257.876.417</b>	<b>183.843.155.439</b>	<b>(181.545.441.331)</b>	<b>-</b>	<b>175.555.590.525</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**19. VAY (tiếp theo)**

**19.1 Vay các công ty chứng khoán**

Đây là các khoản vay từ các công ty chứng khoán nhằm mục đích đầu tư tài chính có kỳ hạn gốc là chín mươi (90) ngày kể từ ngày giải ngân và sẽ tự động tái tục sau mỗi ba (3) tháng. Các khoản vay này chịu lãi suất thả nổi, với lãi suất hiện tại là từ 10,3%/năm đến 16%/năm và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ các khoản vay (Thuyết minh số 13.2).

**19.2 Vay cá nhân**

Chi tiết khoản vay cá nhân được trình bày như sau:

Bên cho vay	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
Ông Phạm Anh Tuấn	Ngày 30 tháng 6 năm 2020 VND	Đầu tư tài chính	13,5	Tài sản hình thành từ khoản vay (Thuyết minh số 13.2)
	<u>8.054.654.000</u>			

**19.3 Vay ngân hàng**

Chi tiết khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quy Nhơn	Từ ngày 31 tháng 7 năm 2020 đến ngày 3 tháng 4 năm 2021	Tài trợ cho dự án An Phú Long Land 1	11	Thửa đất số 619, 620 và 621 tổng diện tích 1.036,4 m <sup>2</sup> thuộc tờ bản đồ số 71 tọa lạc tại Phường Tân Phú, Quận 9, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam thuộc sở hữu của bên thứ ba
	<u>33.280.000.000</u>			

Trong đó:

- Vay dài hạn đến hạn trả	33.280.000.000
- Vay dài hạn	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**20. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	6.409.463.648	51.233.449
Trích lập ( <i>Thuyết minh số 21.1</i> )	8.204.025.010	9.862.492.308
Sử dụng quỹ	<u>(2.695.154.532)</u>	<u>(3.211.262.109)</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020	<u>11.918.334.126</u>	<u>6.702.463.648</u>

# Công ty Cổ phần DRH Holdings

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### 21.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
					VND
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018	609.999.330.000	-	2.423.766.063	65.870.682.332	678.293.778.395
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	(12.220.441.142)	(12.220.441.142)
Mua cổ phiếu quỹ	-	(100.000.000)	-	-	(100.000.000)
Trích quỹ đầu tư, phát triển	-	-	6.574.994.872	(6.574.994.872)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(9.862.492.308)	(9.862.492.308)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(1.314.998.974)	(1.314.998.974)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2019	609.999.330.000	(100.000.000)	8.998.760.935	35.897.755.036	654.795.845.971
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019	609.999.330.000	(5.750.000.000)	8.998.760.935	28.850.777.081	642.098.868.016
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	(6.336.102.612)	(6.336.102.612)
Trích quỹ đầu tư, phát triển	-	-	5.469.350.007	(5.469.350.007)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(8.204.025.010)	(8.204.025.010)
Mua cổ phiếu quỹ (*)	-	(600.000.000)	-	-	(600.000.000)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020	609.999.330.000	(6.350.000.000)	14.468.110.942	7.841.299.452	625.958.740.394

(\*) Theo nghị quyết Hội đồng quản trị số 41/2019/DRH/NQ-HĐQT ngày 26 tháng 12 năm 2019, Công ty đã quyết định mua lại 60.000 cổ phiếu đã phát hành cho Cán bộ nhân viên theo chương trình lựa chọn cho người lao động ("ESOP") làm cổ phiếu quỹ do các Cán bộ nhân viên đã nghỉ việc tại Công ty với giá mua là 10.000 VND/cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**21.2 Cổ phiếu**

	<i>Số lượng cổ phiếu</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	60.999.933	60.999.933
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	60.999.933	60.999.933
Số lượng cổ phiếu quỹ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(635.000)	(575.000)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	60.364.933	60.424.933

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

**21.3 Các giao dịch về vốn với cổ đông**

	<i>VND</i>	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>
<b>Vốn cổ phần đã góp</b> Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 30 tháng 6 năm 2020	<u>609.999.330.000</u>	<u>609.999.330.000</u>

**22. DOANH THU**

**22.1 Doanh thu cung cấp dịch vụ**

	<i>VND</i>	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>
Doanh thu cung cấp dịch vụ	<u>17.961.528.160</u>	<u>36.345.812.817</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu từ các bên khác</i>	10.000.000.000	23.387.183.716
<i>Doanh thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 28)</i>	7.961.528.160	12.958.629.101



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**22. DOANH THU** (tiếp theo)

**22.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
Lãi cho vay	2.439.492.603	7.615.147.681
Lãi từ chứng khoán kinh doanh	74.164.992	409.213.390
Lãi tiền gửi	39.840.715	18.672.191
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.553.498.310</u></b>	<b><u>8.043.033.262</u></b>

**23. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
Giá vốn dịch vụ cung cấp	<u>8.703.154.727</u>	<u>19.471.930.268</u>

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
Chi phí lãi vay	9.733.103.791	23.929.134.598
Lỗ do thanh lý chứng khoán kinh doanh	1.329.821.726	684.452.067
Hoàn nhập dự phòng đầu tư	(78.659.250)	(67.644.000)
Chi phí khác	300.241.805	1.046.827.345
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>11.284.508.072</u></b>	<b><u>25.592.770.010</u></b>

**25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
Chi phí nhân viên	6.203.961.550	5.147.755.419
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.223.319.501	3.835.773.532
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định (Thuyết minh số 9 và số 10)	310.000.122	298.826.790
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>12.737.281.173</u></b>	<b><u>9.282.355.741</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**26. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>
		VND
Chi phí nhân viên	12.522.644.127	14.988.016.522
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.607.791.651	13.467.442.697
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định (Thuyết minh số 9 và 10)	310.000.122	298.826.790
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>21.440.435.900</u></b>	<b><u>28.754.286.009</u></b>

**27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**27.1 Chi phí thuế TNDN**

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lỗ kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>
		VND
<b>Lỗ kế toán trước thuế</b>	<b><u>(12.400.179.164)</u></b>	<b><u>(10.009.229.377)</u></b>
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Công ty	(2.480.035.833)	(2.001.845.875)
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	2.456.364.992	4.213.057.640
Điều chỉnh thuế TNDN trích thừa trong những năm trước	(6.087.747.393)	-
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b><u>(6.111.418.234)</u></b>	<b><u>2.211.211.765</u></b>

**27.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**27.3 Thuế thu nhập hoãn lại**

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại với các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

	<i>Bảng cân đối</i>		VND	
	<i>kế toán riêng giữa niên độ</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động</i>	
	<i>Cho kỳ kế toán</i>	<i>Cho kỳ kế toán</i>	<i>sáu tháng kết</i>	<i>sáu tháng kết</i>
	<i>Ngày 30 tháng 6</i>	<i>Ngày 31 tháng</i>	<i>thúc ngày</i>	<i>thúc ngày</i>
	<i>năm 2020</i>	<i>12 năm 2019</i>	<i>30 tháng 6</i>	<i>30 tháng 6</i>
			<i>năm 2020</i>	<i>năm 2019</i>
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	-	23.670.841	(23.670.841)	-
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>-</b>	<b>23.670.841</b>		
<b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ</b>			<b>(23.670.841)</b>	<b>-</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các nghiệp vụ trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019</i>
Công ty TNHH Đầu tư Bất động sản Bình Đông	Công ty con	Mượn tiền	63.462.438.623	71.154.208.928
		Dịch vụ quản lý dự án	3.389.629.766	3.216.616.249
		Phí dịch vụ môi giới	266.938.298	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh và phát triển Bất động sản Đông Sài Gòn	Công ty con	Mượn tiền	34.000.000.000	75.733.016.410
		Dịch vụ quản lý dự án	1.644.730.684	7.366.562.784
		Cho vay	-	81.900.000.000
		Lãi cho vay	-	4.038.904.110
Công ty Cổ phần Kinh doanh Địa ốc Dland	Đồng quản lý chủ chốt	Mượn tiền	9.038.639.485	-
		Cho thuê văn phòng	306.818.182	-
		Chi hộ	-	34.800.000.000
Công ty Cổ phần Địa ốc An Phú Long	Công ty con	Mượn tiền	2.994.503.958	-
		Lãi cho vay	2.439.492.603	3.576.243.571
		Dịch vụ quản lý dự án	2.353.411.230	2.343.963.838
		Chi hộ	-	21.940.655.099
		Cho vay	-	21.938.455.099
		Cho mượn không lãi suất	-	1.600.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Thuận Tiến	Công ty con	Mượn tiền	-	18.445.365.147
		Dịch vụ quản lý dự án	-	31.486.230

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>
<b><i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i></b>				
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bất động sản Đông Sài Gòn	Công ty con	Dịch vụ quản lý dự án	-	12.740.382.009
Công ty TNHH Đầu tư Bất động sản Bình Đông	Công ty con	Dịch vụ quản lý dự án	-	1.684.819.157
Công ty Cổ phần Địa ốc An Phú Long	Công ty con	Dịch vụ quản lý dự án	-	746.991.868
Công ty Cổ phần Kinh doanh Địa ốc Dland	Đồng quản lý chủ chốt	Cho thuê văn phòng	-	168.750.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>-</b>	<b>15.340.943.034</b>
<b><i>Các khoản phải thu ngắn hạn khác</i></b>				
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bất động sản Đông Sài Gòn	Công ty con	Lãi cho vay	-	8.167.561.644
<b><i>Phải thu về cho vay ngắn hạn</i></b>				
Công ty Cổ phần Địa ốc An Phú Long	Công ty con	Cho vay	41.253.349.041	36.446.406.125
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bất động sản Đông Sài Gòn	Công ty con	Cho vay	-	1.900.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>41.253.349.041</b>	<b>38.346.406.125</b>
<b><i>Phải thu về cho vay dài hạn</i></b>				
Công ty Cổ phần Địa ốc An Phú Long	Công ty con	Cho vay	-	13.513.593.875

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>				
Công ty TNHH Đầu tư Bất động sản Bình Đông	Công ty con	Mượn tiền	166.270.011.669	114.598.604.411
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bất động sản Đông Sài Gòn	Công ty con	Mượn tiền	158.636.832.342	157.253.979.748
Công ty Cổ phần Địa ốc An Phú Long	Công ty con	Mượn tiền	44.786.191.473	52.088.079.257
Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Thuận Tiến	Công ty con	Mượn tiền	31.058.937.469	31.113.937.469
Công ty Cổ phần Kinh doanh Địa ốc Dland	Đồng quản lý chủ chốt	Mượn tiền	5.612.500.000	-
Công ty Cổ phần Căn nhà Mơ Ước Đông Nam	Đồng quản lý chủ chốt đến ngày 25 tháng 6 năm 2020	Thu hộ	-	15.404.572.828
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>406.364.472.953</b>	<b>370.459.173.713</b>

**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
Lương và thù lao	2.559.461.830	3.247.227.443

**29. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Đến 1 năm	3.931.000.000	3.600.000.000
Từ 2 đến 5 năm	15.840.000.000	15.840.000.000
Trên 5 năm	12.870.000.000	14.850.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>32.641.000.000</b>	<b>34.290.000.000</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2020 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**30. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



Phạm Thị Mai Nương  
Người lập



Lê Thị Thuận  
Kế toán trưởng



Ngô Đức Sơn  
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2020